

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 137/2021/DS-ST  
Ngày 20-5-2021  
V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Võ Minh Luân**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Nguyễn Kim Huệ**
2. Ông **Trần Quốc Toàn**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Văn Thị Vẹn** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 612/2020/TLST-DS ngày 05/11/2020 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2021/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Văn L**, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 20, ấp Bà Đ, xã V, thành phố C, tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn L: Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Số 20, ấp Bà Đ, xã V, thành phố C, tỉnh C.

*Bị đơn:* Ông **Phạm Văn L**, sinh năm 1965 (có mặt).

Bà **Nguyễn Thị L** (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:*

Từ năm 2013 đến năm 2017 Doanh nghiệp tư nhân T nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T (gọi tắt là Công ty) có ký hợp đồng mua bán thức ăn tôm với ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị L. Theo hợp đồng Công ty bán thức ăn

nuôi tôm theo lượng đặt hàng của ông L, đến cuối vụ ông L, bà L thanh toán dứt điểm nợ cho Công ty. Trong quá trình giao dịch ông L, bà L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Công ty theo hợp đồng đã giao kết. Ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị L còn nợ Công ty số tiền vốn 7.076.300.000 đồng. Nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị L trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T số tiền vốn 7.076.300.000 đồng. Xin rút lại đối với yêu cầu về lãi suất số tiền 352.399.740 đồng.

*Bị đơn ông Phạm Văn L trình bày:*

Ông Phạm Văn L và Doanh nghiệp tư nhân T nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T có ký hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm đúng như bà Trần Thị L trình bày. Ông thừa nhận còn nợ Công ty số tiền khoảng 4.000.000.000 đồng, ông L không thừa nhận nợ số tiền 7.076.300.000 đồng. Ông L thừa nhận các bản đối chiếu công nợ từ năm 2014 đến năm 2017 và bản đối chiếu công nợ tháng 12/2019 nhưng lúc đó ông chưa biết chính xác số tiền nên có ghi chữ “còn kiểm lại” và bản cam kết thanh toán nợ vào ngày 11/4/2020 là đúng ông có ký tên. Nhưng ông L cho rằng khi ông ký tên vào các bản đối chiếu công là ký xác nhận số lượng thức ăn Công ty đã giao cho ông, hai bên chưa tính thành tiền cụ thể nên ông không đồng ý trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T số tiền 7.076.300.000 đồng.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị L có nơi cư trú tại huyện P, nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T khởi kiện ông L, bà L về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đối với bà Nguyễn Thị L nhưng bà L vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L là phù hợp với quy định.

[2] Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền mua thức ăn thủy sản. Xét tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

[3] Xét về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị L xác định, từ năm 2013 đến năm 2017 Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T với ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị L có hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm với nhau. Đến thời điểm năm 2020 ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị L còn nợ Công ty số tiền vốn 7.076.300.000 đồng. Tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Văn L thừa nhận còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T số tiền khoảng 4.000.000.000 đồng, nên không đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền

7.076.300.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm giữa nguyên đơn và bị đơn là có thực tế diễn ra và các bên đều thừa nhận. Ông L xác định các bản đối chiếu công nợ từ năm 2014 đến năm 2017 nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là đúng và ông có ký tên. Tuy nhiên bị đơn ông Phạm Văn L cho rằng khi ông ký tên vào các bản đối chiếu công nợ là ký xác nhận số lượng thức ăn Công ty đã giao cho ông, hai bên chưa đối chiếu thành tiền cụ thể. Xét thấy tại các bản đối chiếu công nợ từ năm 2014 đến năm 2017 nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thì thể hiện rõ số lượng thức ăn Công ty giao cho ông L và số tiền ông L nợ Công ty. Ngoài ra ngày 11/4/2020 ông L và Công ty có làm bản cam kết thanh toán nợ, ông L cũng thừa nhận bản cam kết thanh toán ngày 11/4/2020 ông nợ Công ty số tiền 7.076.300.000 đồng. Nay ông L cho rằng ông còn nợ Công ty số tiền khoảng 4.000.000.000 đồng nhưng ông không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của ông. Từ những căn cứ nêu trên nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn L, bà Phạm Thị L trả cho nguyên đơn số tiền 7.076.300.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét đối với yêu cầu trả tiền lãi: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại yêu cầu về lãi suất số tiền 352.399.740 đồng. Xét thấy là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T. Buộc bị đơn ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị L trả cho nguyên đơn số tiền 7.076.300.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thi hành xong khoản tiền trên, thì phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu 115.076.300 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí, nguyên đơn có nộp tạm ứng án phí 57.714.000 đồng, theo biên lai thu số 0012162 ngày 05 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân được được hoàn lại.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Nguyễn Thị L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án

trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Võ Minh Luân**